

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS : Nắm được mục đích, tính chất và các yếu tố của phép lập luận giải thích.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong đời sống của con người, nhu cầu giải thích rất to lớn. Gặp một hiện tượng mới lạ, con người chưa hiểu thì nhu cầu giải thích nảy sinh. Chẳng hạn, từ những vấn đề xa xôi, như vì sao có mưa, vì sao có lụt, vì sao có núi, vì sao có sông, vì sao mất mùa, được mùa, vì sao có dịch bệnh,... đến những vấn đề gần gũi như vì sao hôm qua em không đi học, vì sao dạo này em học kém hơn trước,... đều cần được giải thích.

Giải thích một hiện tượng nào đó có nghĩa là chỉ ra *nguyên nhân* và *lí do*, *quy luật* đã làm nảy sinh ra hiện tượng đó (Ví dụ : Vì sao có lụt, thì giải thích lụt là do mưa nhiều, ngập úng tạo nên ; Vì sao lại có nguyệt thực, thì giải thích : Mặt Trăng không tự phát ra ánh sáng, mà chỉ phản quang lại ánh sáng nhận từ Mặt Trời. Trong quá trình vận hành, Trái Đất, Mặt Trăng và Mặt Trời có lúc cùng đứng trên một đường thẳng. Trái Đất ở giữa che mất nguồn sáng của Mặt Trời và làm cho Mặt Trăng bị tối ; Vì sao nước biển mặn, thì giải thích : Nước sông suối có hoà tan nhiều loại muối lấy từ các lớp đất đá trong lục địa. Khi ra đến biển, mặt biển có độ thoáng rộng nên nước thường bốc hơi, còn các muối ở lại. Lâu ngày, muối tích tụ lại làm cho nước biển mặn,...). Giải thích một sự vật còn là chỉ ra nội dung ý *nghĩa* của sự vật đó đối với thế giới và con người (Ví dụ : Đền là dụng cụ để thắp sáng) ; chỉ ra *loại sự vật* mà nó thuộc vào (Ví dụ : Con người là một động vật biết

nói, biết tư duy),... Mọi sự giải thích đều tạo thành một hành vi phán đoán, và thường sử dụng các từ như "là do...", "là....", "là cái để....".

Muốn giải thích được sự vật thì phải hiểu, phải học hỏi, phải có kiến thức nhiều mặt.

2. Trong văn nghị luận, giải thích là một thao tác nhằm làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của một từ, một khái niệm, một câu, một hiện tượng xã hội, lịch sử nào đó – thường là một tư tưởng, một nhận định, một quan điểm. Thao tác giải thích cũng cần thiết để giải thích những hành động, động cơ, hiện tượng trong đời sống con người. Người ta giải thích bằng cách nào ? Đôi khi có người quan niệm giải thích là vận dụng *lí lẽ*, còn chứng minh thì vận dụng *dẫn chứng*. Đó là một quan niệm máy móc, sơ lược. Sự thực, để giải thích một khái niệm trừu tượng, nhiều khi người ta chỉ nêu *ví dụ* cụ thể là đủ thấy rõ, tức là vận dụng dẫn chứng để giải thích. Ví dụ : Tham ô là gì ? (Là lấy của người khác làm của mình). Giải thích là chỉ ra các nội dung của hiện tượng cần được giải thích, hay nói cách khác là phân tích nội dung ấy ra.

3. Như vậy, mục đích của giải thích là để nhận thức, hiểu rõ sự vật hiện tượng. Nhưng để đạt được hiệu quả giải thích, làm người nghe đồng tình, bị thuyết phục, thì đồng thời với giải thích, người ta cũng chứng minh điều mình giải thích, sao cho người nghe tin phục. Do đó, giải thích thường kết hợp với chứng minh, giải thích cần cho chứng minh. Ngược lại, khi người ta muốn chứng minh một điều gì thì người ta phải hiểu rõ điều cần chứng minh, do đó lại cần đến giải thích.

4. Yếu tố của bài nghị luận giải thích : a) Điều cần được giải thích : vấn đề, hiện tượng, câu, chữ, nhận định, ý kiến,... ; b) Cách giải thích : chỉ ra nguyên nhân, lí do, quy luật, nội dung hay mục đích, ý nghĩa của cái cần được giải thích. Cũng có thể dùng ví dụ, cái tương đồng, cách so sánh, hay cách cụ thể hoá để giải thích,... Cách giải thích rất đa dạng.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu nhu cầu giải thích trong đời sống.

Bước 1 : GV nêu câu hỏi như trong SGK (trang 69, 70) để HS nêu các vấn đề yêu cầu được giải thích. GV gợi ý vào các loại câu : Vì sao, để làm gì, là gì, có ý nghĩa gì,... ? Mỗi HS phải nêu được một vài câu hỏi loại đó. GV cho ghi lên bảng các câu hỏi.

Bước 2: Muốn trả lời, tức là giải thích các vấn đề nêu trên thì phải làm thế nào ? (Đọc, nghiên cứu, tra cứu,... tức là phải hiểu, phải có tri thức mới làm được.)

Hoạt động 2. Tìm hiểu phép lập luận giải thích.

Bước 1: Cho HS đọc bài văn *Lòng khiêm tốn*. GV nêu câu hỏi: Bài văn giải thích vấn đề gì? Có thể đặt những câu hỏi để khơi gợi giải thích như thế nào? (Ví dụ: Khiêm tốn là gì? Khiêm tốn có lợi (hại) gì? Lợi (hại) cho ai? Các biểu hiện khiêm tốn có làm hạ thấp con người không?)

Bước 2: Tìm hiểu cách giải thích. Đánh dấu các câu giải thích và cho biết chúng có phải là câu định nghĩa không? Chúng có đặc điểm gì?

Ngoài cách định nghĩa còn có những cách giải thích nào? (Ví dụ: đối lập người khiêm tốn/người không khiêm tốn; liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn.)

Tìm lí do cũng là một cách giải thích. Ví dụ: Vì sao con người cần phải khiêm tốn?

Bước 3: Tìm bố cục của bài. Chỉ ra mối liên hệ của Mở bài, Thân bài, Kết bài.

Bước 4: Kết lại và rút ra Ghi nhớ.

Hoạt động 3. Củng cố bài học.

Tìm vấn đề giải thích và cách giải thích trong bài *Lòng nhân đạo* và hai bài đọc tham khảo (trang 72 – 74, SGK). Cho HS nhận ra nhiều cách giải thích là đạt yêu cầu.